

*Châu Thành, ngày 12 tháng 4 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 192/2021/TLST- VDS ngày 29 tháng 3 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. **Ông Nguyễn Văn T**, sinh năm 1958;

2. **Bà Trần Kim T**, sinh năm 1963;

Cùng nơi cư trú: ấp P, xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Kim T kết hôn vào năm 1983, hôn nhân do ông bà tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã Bến Tre (nay là phường A, thành phố Bến Tre), tỉnh Bến Tre vào ngày 23/3/1983, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có bất đồng về quan điểm, tính tình không phù hợp, thiếu sự quan tâm chia sẻ nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc; vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau, mỗi người có cuộc sống riêng. Nay ông T và bà T cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà thuận tình ly hôn. Do đó, có căn cứ công nhận cho ông T và bà T thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ông T và bà T đều có công việc và thu nhập ổn định nên không ai phải cấp dưỡng cho ai sau khi ly hôn.

[2] Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Duy T, sinh ngày 17 tháng 02 năm 1984 và Nguyễn Tấn T, sinh ngày 09 tháng 11 năm 1989; cả hai con chung đều đã trưởng thành và có công việc ổn định nên Tòa án không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Ông T và bà T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét. Về nợ chung: Ông T và bà T cùng khai là không có nên Tòa án không xem xét.

[4] Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông T và bà T phải chịu (ông T không xin miễn lệ phí).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn T và bà Trần Kim T.

- Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Duy T, sinh ngày 17 tháng 02 năm 1984 và Nguyễn Tấn T, sinh ngày 09 tháng 11 năm 1989; cả hai con chung đều đã trưởng thành và có công việc ổn định nên Tòa án không xem xét.

- Về tài sản chung: Ông T và bà T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét. Về nợ chung: Ông T và bà T cùng khai là không có nên Tòa án không xem xét.

**2.** Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông T và bà T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà ông bà đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005059 ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Người yêu cầu đã nộp đủ lệ phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV TA tỉnh Bến Tre;
- UBND phường A, TP.Bến Tre, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

#### **THẨM PHÁN**

*(Đã ký tên và đóng dấu)*

**Nguyễn Thị Ngọc Huyền**